

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43 /2023/DS-ST

Ngày 05-7-2023

Về việc tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Tùng;
2. Ông Đinh Đắc Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lễ- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2023/TLST-DS, ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1988- vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Trần Hùng D, sinh năm 1966 (Theo văn bảo ủy quyền ngày 24-4-2023)- có mặt.

Địa chỉ: Số B, khu B, Trung tâm thương mại huyện V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

- Bà Ngô Thị H, sinh năm 1967- vắng mặt lần 02 không lý do.

- Ông Trần Văn P, sinh năm 1971- vắng mặt lần 03 không lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ đã thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thì ông Trần Hùng D đại diện cho nguyên đơn trình bày và yêu cầu giải quyết như sau:

Từ năm 2014, vợ chồng bà Ngô Thị H và ông Trần Văn P đã nhiều lần mua vật tư nông nghiệp của ông Huỳnh Văn T theo hình thức bán thiếu. Tính đến ngày 10/10/2022, vợ chồng bà H ông P còn nợ ông T 135.000.000 đồng nên hai bên có lập tờ Biên nhận ngày 10/10/2022, bà H có ký tên và ghi họ tên trong đó để thừa nhận còn nợ số tiền trên của ông T. Đến ngày 24/02/2023, bà H đã cho ông T được 12.000.000 đồng nên hiện nay còn nợ ông T 123.000.000 đồng. Ông T đã nhiều lần yêu cầu bà H và ông P trả số tiền nêu trên nhưng không có kết quả. Nên ông T khởi kiện yêu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông P liên đới chịu trách nhiệm thanh toán một lần cho ông T số tiền còn thiếu là 123.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Nhưng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bà H và ông P chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên, thì ông T yêu cầu bà H và ông P phải chịu trách nhiệm trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho ông T theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

* Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được thì bị đơn Ngô Thị H trình bày: Bà H thừa nhận trước đây bà và chồng bà là ông Trần Văn P có mua thiếu vật tư nông nghiệp của ông Huỳnh Văn T để chăm sóc lúa của bà và ông P. Tính đến ngày 10/10/2022, vợ chồng bà còn nợ ông T 135.000.000 đồng nên hai bên có lập tờ Biên nhận, bà có ký tên và ghi họ tên để nhận nợ như ông T đã trình bày ở trên. Nhưng đến ngày 24/02/2023, bà đã trả cho ông T được 12.000.000 đồng nên hiện nay vợ chồng bà còn thiếu lại ông T là 123.000.000 đồng. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H đồng ý cùng ông P liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông T 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng), nhưng xin trả dần cho đến khi dứt nợ.

Còn ông Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng luôn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật. Còn người tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà H và ông P chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông T 123.000.000đ, không phải trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H và ông P liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông T 123.000.000 đồng nợ mua vật tư nông nghiệp. Được xác định là vụ án dân sự tranh chấp hợp mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP ., theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa. Để bảo đảm quyền được tham gia tố tụng tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P và bà H luôn vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở để tiến hành xét xử vắng mặt đương sự có tên ở trên, theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện* của nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông T 123.000.000 đồng nợ gốc. Xét thấy, trong quá trình thu thập chứng cứ mà cụ thể là tại các Biên bản lấy lời khai của bà H ngày 06-4-2023, ngày 18-5-2023 và Biên bản hòa giải giữa ông T với bà H ngày 24-5-2023, thì bà H luôn thừa nhận bà và chồng bà là ông P có mua vật tư nông nghiệp của ông T. Sau nhiều lần trả nợ, thì hiện nay vợ chồng bà H còn nợ ông T 123.000.000 đồng. Sự thừa nhận của bà H còn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do ông T giao nộp cho Tòa án là giấy Biên nhận ngày 10-10-2022 mà bà H thừa nhận có ký tên và ghi đầy đủ họ tên của bà trong đó để nhận nợ. *Tóm lại*, căn cứ vào sự thừa nhận của bà H và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, thì ông T đã chứng minh được có bán vật tư nông nghiệp thiếu cho vợ chồng bà H. Tính đến ngày 10-10-2022 (viết tờ Biên nhận), thì ông P và bà H còn nợ ông T 135.000.000đ, nhưng đến ngày 24-02-2023 bà H và ông P đã trả cho ông T được 12.000.000đ. Nên hiện nay bà H và ông P còn nợ ông T 123.000.000đ. Và việc mua vật tư nông nghiệp của ông T để chăm sóc lúa của bà H và ông P. Do đó, cần phải buộc bà H và ông P chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông T 123.000.000 đồng nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 288 Bộ luật Dân sự. Do ông T không yêu cầu bà H và ông P trả tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[5] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng, cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì caùc leõ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 92, 144, 147 và 188 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị H và ông Trần Văn P chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn T 123.000.000 đồng (*một trăm hai mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Ngô Thị H và ông Trần Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* *Về tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm:*

- Hoàn trả 3.375.000 đồng (*ba triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Văn T. Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006715 ngày 28-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Bà Ngô Thị H và ông Trần Văn P cùng phải chịu 6.150.000đ (*sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo, niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Diệu

